

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 19/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 19/8/2019 về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để các cấp, các ngành và các địa phương nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của tỉnh, đảm bảo phù hợp với quan điểm, định hướng được đề ra trong Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 39-NQ/TW*), Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 30/NQ-CP*) và Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 19/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch số 219-KH/TU*).

2. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh về yêu cầu cấp bách phải nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực để khắc phục những hạn chế của nền kinh tế hiện nay; tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Kế hoạch này là căn cứ cho các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các địa phương.

II. MỤC TIÊU

Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực kinh tế nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quản lý các nguồn lực của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cụ thể:

1. Đối với nguồn nhân lực

- *Đến năm 2025*: Phân đầu có ít nhất 80% người học sau tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo.

Phân đầu đưa tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 33% tổng số lao động toàn tỉnh.

- *Đến năm 2035*: Phân đầu có ít nhất 85% người học sau tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; có 01 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4.

Phân đầu tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 25% tổng số lao động toàn tỉnh.

- *Đến năm 2045*: Phân đầu có ít nhất 95% người học sau tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; có 02 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4.

Phân đầu tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 15% tổng số lao động toàn tỉnh.

2. Đối với nguồn vật lực

- *Đến năm 2025*:

+ Ban hành các cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thiên nhiên, phục vụ phát triển bền vững. Tăng cường hiệu quả sử dụng đất đai, giảm ảnh hưởng đến môi trường; 100% chất thải rắn, nước thải được kiểm soát và xử lý; rà soát, hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường; khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư.

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ; hoàn thành đúng tiến độ các công trình trọng điểm, công trình có tính chất lan tỏa, công trình kết nối giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

- *Đến năm 2035*:

+ 95% - 100% diện tích đất chưa sử dụng được khai thác, sử dụng; 100% diện tích đất đã giao, cho thuê đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được khai

thác, sử dụng đúng mục đích. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia.

+ Hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối thuận tiện, nhanh chóng với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng lân cận.

- Đến năm 2045:

+ Quản lý, khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên nước, tài nguyên đất và khoáng sản; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Phấn đấu 100% nước thải, rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải y tế được xử lý bằng công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn trong nước và ngang hàng với các nước đang phát triển.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông suốt, kết nối nhanh chóng với các vùng miền trong cả nước.

3. Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025:

+ Giữ vững an ninh tài chính địa phương; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, đến năm 2020 không quá 1% GRDP, đến năm 2030 không quá 1% GRDP. Đến năm 2030 nợ công không quá 60% GRDP.

+ Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2035: Thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% tổng thu ngân sách nhà nước địa phương hàng năm.

- Đến năm 2045: Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5-7% tổng thu ngân sách nhà nước địa phương hàng năm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc về tính cấp bách và tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

a) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 30/NQ-CP, Kế hoạch số 219-KH/TU và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh; xác định đây là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân và là yêu cầu cấp bách trong tình hình

hiện nay để khắc phục những hạn chế, yếu kém của nền kinh tế.

b) Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tiếp tục quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nghiêm túc, sâu rộng việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 30/NQ-CP và Kế hoạch số 219-KH/TU; tạo sự đồng thuận, chuyên biến rõ rệt về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân trong tỉnh.

2. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nhân lực

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu gắn với kiện toàn bộ máy; cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh; đẩy mạnh trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Thực hiện tốt giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi có quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức do UBND tỉnh ban hành không còn phù hợp với quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả hoạt động công vụ, năng suất, hiệu suất lao động; cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa; gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp; sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực tự chủ; chú trọng khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia giáo dục nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng của Nhà nước và của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia) và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ đào tạo nghề có chất lượng, đảm bảo thành thạo kỹ năng nghề, gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm theo địa chỉ; các cơ sở đào tạo nghề thực hiện việc đào tạo thông qua đặt hàng của doanh nghiệp nơi người lao động được tiếp nhận vào làm việc. Tăng cường hợp tác với quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục thực hiện việc liên kết, hợp tác đào tạo.

- Quy hoạch mạng lưới dịch vụ việc làm, xây dựng hệ thống dịch vụ việc làm có hiệu quả, đáp ứng được công tác thu thập xử lý thông tin, kết nối cung - cầu, tư vấn và dự báo thông tin thị trường lao động. Mở rộng và nâng cao hiệu quả sàn giao dịch việc làm định kỳ, tiến tới tổ chức sàn giao dịch hằng tuần. Giải quyết tốt bảo hiểm thất nghiệp, chú trọng tiêu chí đào tạo lại và đưa lao động trở lại thị trường lao động nhanh và kết nối những người được đào tạo xong gia nhập thị trường lao động.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ việc làm, định hướng áp dụng theo các cấp hành chính (tỉnh/huyện/xã). Cung cấp dịch vụ việc làm tới tận địa bàn khu dân cư, tổ dân phố và hộ gia đình thông qua các cán bộ ở xã, phường, thị trấn. Đầu tư cho công tác thống kê, phân tích dữ liệu thông tin thị trường lao động ở các cấp và kết nối thông tin giữa các cấp nhằm cung cấp, điều phối lao động.

- Rà soát và thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, giải pháp phát triển thị trường lao động, bảo đảm đồng bộ, minh bạch, cạnh tranh và bền vững đi đôi với tăng cường, nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc quản lý, điều tiết cung - cầu trên thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

- Tiếp tục ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước; thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường công tác tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động. Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài qua mạng internet; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra tình hình quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền và tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Kịp thời phát hiện, thu hút, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả những người tài. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục năng khiếu trong giáo dục phổ thông.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu mở các lớp tập huấn, đào tạo nhân lực cán bộ công nghệ thông tin; các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước theo lộ trình xây dựng chính quyền điện tử, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đạt hiệu quả, nhằm cung ứng kịp thời nguồn nhân lực này cho nhu cầu phát triển ngành dịch vụ du lịch của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

e) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi nghiên cứu xây dựng các giải pháp, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước vào làm việc tại các Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp cảng biển, dịch vụ logistics,...

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

f) Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi và thẩm quyền quản lý:

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, đơn vị mình; ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật lành nghề; chú trọng đến hình thức đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; thực hiện đánh giá nhân lực

dựa trên năng lực đóng góp, kết quả, năng suất lao động thực tế, đi đôi với thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp,... trong phát triển nguồn nhân lực; phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn vật lực

3.1. Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đất đai năm 2013; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020. Thực hiện tốt công tác thống kê đất đai hàng năm và kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định. Tiếp tục tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất đã giao cho các chủ sử dụng; tham mưu, báo cáo UBND tỉnh biện pháp xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, mượn, giao khoán trái pháp luật, sử dụng đất lãng phí, không hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, định giá đất, giải phóng mặt bằng, tạo nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Quản lý chặt chẽ, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Rà soát, kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mà đã quá thời hạn quy định nhưng chưa xây dựng hoặc xây dựng kéo dài chưa đưa vào sử dụng. Tập trung giải quyết các vướng mắc về giải phóng mặt bằng đối với dự án trọng điểm của tỉnh.

- Thực hiện điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng khoáng sản của tỉnh; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản, thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản để tăng thu ngân sách, xử lý nghiêm tình trạng khai thác khoáng sản trái phép. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các địa phương trong quản lý và bảo vệ khoáng sản.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thông tin về tài nguyên nước; tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên nước; đẩy mạnh công tác

điều tra, quy hoạch tài nguyên nước; tập trung thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm môi trường, thực hiện việc thẩm định công nghệ trong chuyển giao nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xây dựng cơ chế và tổ chức triển khai hoạt động giám sát đối với tất cả các cơ sở, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, nhất là thu hút đầu tư vào các khu vực nhạy cảm về môi trường.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách về cấp phép khai thác, sử dụng nước; đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải vào nguồn nước; trọng tâm là địa bàn huyện đảo Lý Sơn.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, đồng thời rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định pháp luật về quy hoạch.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt chú trọng các chính sách hỗ trợ khuyến khích dồn điền đổi thửa, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ, chính sách phát triển rừng cây gỗ lớn, chuyển đổi đất lúa sang cây trồng cạn, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chính sách khuyến khích phát triển thủy sản,... Rà soát diện tích đất lúa để chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn. Có biện pháp tích tụ ruộng đất, trước hết là dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn. Triển khai xây dựng có hiệu quả các vùng chuyên canh tại 06 huyện miền núi.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hóa nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế, có khả năng nâng cao giá trị gia tăng của địa phương như chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây nguyên liệu,...; chuyển sản xuất từ coi trọng số lượng sang chất lượng thông qua các giải pháp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp

sạch, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm,... để tăng tính cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng; tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp.

- Tiếp tục hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu thuyền công suất lớn; khơi thông luồng, đảm bảo tàu thuyền ra vào cảng. Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; giải quyết tình trạng dịch bệnh trên tôm.

- Tiếp tục rà soát đầu tư các hạng mục cần thiết phải khắc phục, sửa chữa các cảng cá được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác ở tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo theo yêu cầu đối với cảng đủ tiêu chuẩn xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Tiếp tục rà soát, đánh giá tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh, nhất là những giá trị độc đáo của đảo Lý Sơn để tập trung khai thác có hiệu quả; tạo ra được những sản phẩm du lịch biển độc đáo, chất lượng.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

đ) UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Tổ chức rà soát, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp khai thác tài nguyên không phép, trái phép theo quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3.2. Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Hoàn chỉnh xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm định hướng cho đầu tư phát triển.

Thời gian thực hiện: Năm 2019-2022.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, hướng tới các nhà đầu tư có thương hiệu, có năng lực để công tác xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả thiết thực. Tập trung tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tăng cường công tác hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Lựa chọn, hình thành một số cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị. Hỗ trợ, kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đồng bộ, hệ thống xử lý môi trường đảm bảo.

- Đẩy mạnh công tác phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên theo Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp, tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt, đón đầu, tận dụng tối đa lợi thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ thiết bị công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

c) Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi và thẩm quyền quản lý:

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, trong đó, ưu tiên huy động các nguồn lực xã hội, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Tham mưu ban hành các cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ công; thực hiện đấu giá các vị trí đất có lợi thế phát triển dịch vụ, thương mại, nhà ở theo quy hoạch.

- Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải, triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được duyệt; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện nhằm sớm đưa vào sử dụng để tăng cường cơ sở vật chất

và hạ tầng kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được cấp phép đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị, dịch vụ du lịch, nhà ở. Tăng cường kêu gọi, thu hút các dự án mới để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trọng tâm là lĩnh vực công nghiệp nặng, công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp phụ trợ.

- Thực hiện nghiêm, hiệu quả chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 89/UBND-TH ngày 09/01/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về việc Triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu đầu tư công, bảo đảm thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác thẩm định đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư công, loại trừ ngay từ khâu thẩm định các dự án kém hiệu quả về kinh tế - xã hội.

- Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, chấm dứt đầu tư các dự án kém hiệu quả, tập trung, ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

4. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài lực

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh trong năm 2020. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cập nhật thông tin sắp xếp nhà, đất vào phần mềm do Bộ Tài chính xây dựng, vận hành.

- Thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng nâng dần tỷ lệ chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng và triệt để tiết kiệm nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước, song song với huy động tối đa các nguồn lực tài chính khác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành địa phương. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí,

tăng nguồn thu sự nghiệp; không tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ các khoản vay, kiểm soát và quản lý nợ công trong giới hạn cho phép và mục tiêu đã đề ra; bố trí chi trả nợ lãi trong chi cân đối ngân sách địa phương đầy đủ, đúng hạn; chi trả nợ gốc ngoài chi cân đối ngân sách địa phương được bố trí từ nguồn vay, bội thu ngân sách cấp tỉnh, kết dư ngân sách cấp tỉnh và nguồn tăng thu, tiết kiệm chi theo quy định.

- Tiếp tục rà soát các chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách, tài sản công để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung ngân sách nhà nước phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

- Chấp hành nghiêm quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), bảo đảm giá trị tài sản thanh toán sát giá thị trường, đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; chấm dứt việc sử dụng tài sản cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, kinh doanh không đúng quy định. Rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng ngân sách nhà nước.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh nhưng vẫn chưa được ban hành.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường theo đúng Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan:

Khẩn trương rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng và công khai quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị theo quy định; làm cơ sở lập danh mục đề ban hành theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các bộ, ngành liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục cơ sở phải di dời trước ngày 31/12/2020.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Tăng cường thực hiện rà soát hồ sơ quản lý, sử dụng đất đai của các đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trên cơ sở đó thực hiện thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất theo đúng chế độ quy định, hạn chế thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước từ đất đai.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, chi đúng dự toán ngân sách được giao, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Huy động tối đa nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động xử lý ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến nghị xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này (*thay thế Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh*), Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hóa thành kế hoạch công tác của đơn vị mình và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ do thực tế phát sinh phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu trong Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 30/NQ-CP và Kế hoạch số 219-KH/TU.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (*trước ngày 10 tháng 12*) báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: Lao động - TB và XH, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THh121.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng